TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 10–9–2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST - HNGĐ ngày 09-7-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26-8-2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản NS, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Bản NS, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Anh C đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QN).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Lò Văn C đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy

tỉnh QN. Chị Lường Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C có 02 con chung: Cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 03/4/2019. Chị Lường Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh T và cháu Lò Thanh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Lò Văn C trình bày *(Có xác nhận của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QN):*

Anh Lò Văn C và chị Lường Thị L kết hôn với nhau chung sống có mâu thuẫn giống như chị Lường Thị L trình bày. Nay chị Lường Thị L yêu cầu ly hôn, anh C nhất trí ly hôn với chị Lường Thị L.

Về con chung: Anh Lò Văn C và chị Lường Thị L có 02 con chung: Cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 03/4/2019. Anh C đang cai nghiện ma túy không có điều kiện nuôi con nên anh C nhất trí để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thanh T và cháu Lò Thanh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn C không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 07/8/2024 xác định: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn C nghiện ma túy. Anh C, chị L có 02 con chung đang ở với chị Lường Thị L.

Ý kiến của cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 (Biên bản ghi ý kiến ngày 08/8/2024): Cháu Lò Thanh T có nguyện vọng muốn ở với chị Lường Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị L giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và yêu cầu miễn án phí.

Anh Lò Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt (Có xác nhận của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QN) với nội dung: Anh C giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QN đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về tình cảm: Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Giao cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 03/4/2019 cho chị Lường Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị L yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn C có địa chỉ nơi cư trú tại bản NS, xã BM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị L, bị đơn anh Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị L và anh C là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Lò Văn C đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh QN. Chị Lường Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn C. Anh Lò Văn C nhất trí ly hôn với chị Lường Thị L.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị L và anh C không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghiện ma túy, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không quan tâm đến cuộc sống của nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lường Thị L ly hôn với anh Lò Văn C.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C có 02 con chung là cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 03/4/2019. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị Lường Thị L.

Chị Lường Thị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh T và cháu Lò Thanh N. Anh Lò Văn C nhất trí với ý kiến của chị Lường Thị L.

Ý kiến của cháu Lò Thanh T có nguyện vọng muốn ở với chị Lường Thị L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lò Văn C đang cai nghiện ma túy bắt buộc nên không có điều kiện nuôi con. Ý kiến của chị Lường Thị L và anh Lò Văn C thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên. Chị Lường Thị L có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị L và anh C sống ly thân, chị L đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Lò Thanh T và cháu Lò

Thanh N cho chị Lường Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lường Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L được ly hôn với anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thanh T, sinh ngày 02/01/2017 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 03/4/2019 cho chị Lường Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lường Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh C) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh